TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Nữ Tuyết N *(Vắng mặt)*, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

- *Bị đơn*: Anh Cao Hoàng H *(Vắng mặt)*, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Phan Nữ Tuyết N (nguyên đơn) trình bày: Chị và anh Cao Hoàng H (sinh năm 1983) kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có 01 con chung là Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015, hiện đang sống cùng với chị N. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không nợ ai cả. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đam mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng hay tranh cãi, đánh nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi và còn tham gia đánh bạc, cá độ nhiều hơn, thua với số tiền lớn. Sau đó anh chị chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng anh H vẫn không thay đổi, tiếp tục đánh bạc, cá độ nhiều hơn, bị giang hồ đến tận nhà đòi nợ nên anh H bỏ trốn, sau đó lại quay về Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ để sinh sống. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Do vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, không còn tình cảm với nhau nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Cao Hoàng H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 cho đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Cao Hoàng H (bị đơn): trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Cao Hoàng H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh H cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh H pH chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Nữ Tuyết N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Nữ Tuyết N được ly hôn với anh Cao Hoàng H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Phan Nữ Tuyết N (nguyên đơn) pH nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phan Nữ Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Cao Hoàng H, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Cao Hoàng H) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Phan Nữ Tuyết N (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với anh Cao Hoàng H (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh H cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Nữ Tuyết N và anh Cao Hoàng H kết hôn với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Chị N và anh H cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay; giữa các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Chị N cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với anh H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; Anh, chị đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Nữ Tuyết N.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị Phan Nữ Tuyết N có nguyện vọng được nuôi cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 điều này thể hiện trách

nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con"*.

"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"

Hiện cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ và hiện cháu đang ở cùng với chị N mặt khác trong quá trình giải quyết, anh H cũng không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh H đối với việc nuôi con sau ly hôn, chị N cũng cung cấp thông tin anh H hiện không có chỗ ở, thu nhập ổn định, không đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản gì; không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Phan Nữ Tuyết N pH nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Nữ Tuyết N về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Nữ Tuyết N được ly hôn với anh Cao Hoàng H (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Cao Hoàng Bảo A, sinh ngày 22/02/2015 cho chị Phan Nữ Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Nữ Tuyết N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003272 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng